TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 665/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn A, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn A, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2019 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, chị Trần Thị H (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, thành phố Hải

Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 12 tháng 01 năm 2001. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại Thôn A, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S có hai con chung tên là Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 18/9/2000 và Nguyễn Minh A1 sinh ngày 17/10/2007. Con tên Nguyễn Quốc Đ đã thành niên, khỏe mạnh và có khả năng lao động nên chị không có đề nghị gì. Hiện con Nguyễn Minh A1 đang khỏe mạnh, phát triển bình thường, khi ly hôn chị xin nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh Nguyễn Văn S tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S có tài sản chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không trình bày quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S. Giao con chung tên là Nguyễn Minh A1 sinh ngày 17/10/2007 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh Nguyễn Văn S không có ý kiến gì nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 12 tháng 01 năm 2001 của Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra va chạm, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị H xin ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H với anh Nguyễn Văn S.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S có hai con chung tên là Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 18/9/2000 và Nguyễn Minh A1 sinh ngày 17/10/2007. Hiện nay con Nguyễn Quốc Đ đã đủ 18 tuổi và khỏe mạnh, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi ly hôn chị Trần Thị H đề nghị nuôi con tên Nguyễn Minh A1, anh Nguyễn Văn S không trình bày quan điểm của mình. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện chị Trần Thị H có điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung tốt hơn anh Nguyễn Văn S, con chung đang khỏe mạnh và phát triển bình thường, con có nguyện vọng được ở với cha hay mẹ cũng được. Vì vậy áp dụng Điều 81, Điều 82,

Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên Nguyễn Minh A1 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Trần Thị H trình bày để tự thỏa thuận và anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên là Nguyễn Minh A1 sinh ngày 17/10/2007 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S tự thỏa thuận giao nhận cho nhau.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Trần Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0002911 ngày 19 tháng 8 năm 2019; Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã T1, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhã